

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty : Công ty cổ phần Gạch Men Thanh Thanh

Năm báo cáo 2015

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600 665643
- Vốn điều lệ: 59.923.480.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.923.480.000 đồng
- Địa chỉ: Đường số 1, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: 061.3836066
- Số fax: 061.3836305
- Website: www.thanhthanhceramic.com
- Mã cổ phiếu: TTC

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Trước năm 1975, Thanh Thanh thuộc sở hữu tư nhân, chủ yếu là sản xuất gạch men 10cm x10cm theo công nghệ SACMI của Ý. Sau 1975, nhà máy được quốc hữu hóa vào ngày 1/7/1976 với tên Nhà máy Gạch Men Thanh Thanh.
- Năm 1993, nhà máy được thành lập lại theo quyết định số 34A/BXD – TCLĐ ngày 12/2/1993 của bộ trưởng Bộ Xây dựng, trực thuộc Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1. Sau đó Nhà máy được đổi tên thành Công Ty Gạch Men Thanh Thanh hạch toán độc lập theo Quyết định số 201/BXD-TCLĐ ngày 27/03/1995 và được Ủy Ban Kế Hoạch Nhà Nước cho phép đăng ký kinh doanh tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 10055 ngày 05/04/1995 với chức năng chính là sản xuất kinh doanh gạch men và vật liệu xây dựng.
- Công ty được chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quyết định số 1706/QĐ-BXD ngày 22/12/2003 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng về việc chuyển Công ty Gạch Men Thanh Thanh thành Công ty Cổ phần, với vốn điều lệ lúc cổ phần hoá là 40 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số

4703000091 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- **Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường vào ngày 08/08/2006**
- Thương hiệu gạch men Thanh Thanh đã khẳng định được uy tín của mình đối với người tiêu dùng trong nước. Những cột mốc quan trọng đánh dấu các bước phát triển của Công ty được ghi nhận như sau:
 - ✓ Năm 1991 đầu tư trang bị máy ép PH 550 thay thế các thiết bị cũ nâng cao công suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm cạnh tranh với hàng ngoại nhập; năm 1993, đầu tư mới dây chuyền sản xuất gạch lát nền theo công nghệ mới (nung 01 lần) công suất 1 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1995, tiếp tục đầu tư thêm dây chuyền sản xuất gạch lát nền công suất 01 triệu m²/năm nâng tổng công suất sản xuất gạch lát nền của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 1999, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch với công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu/năm;
 - ✓ Năm 2000, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch granit nhân tạo công suất 1,5 triệu m²/năm;
 - ✓ Năm 2003, đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ốp tường công nghệ nung nhanh 2 lần công suất 01 triệu m²/năm, nâng tổng công suất sản xuất gạch ốp tường của Công ty lên 02 triệu m²/năm;
 - ✓ Đến hết năm 2015, Công ty có một tập thể trên 450 cán bộ - công nhân viên, trong đó có nhiều chuyên gia kỹ thuật công nghệ. Công ty đã xây dựng được hệ thống trên 100 nhà phân phối sản phẩm rộng khắp tại các tỉnh thành trong khu vực các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung và các Đồng bằng Sông Cửu Long. Công ty cũng đã mở rộng xuất khẩu sang các nước Thái Lan, Campuchia, Yemen, Nam Triều Tiên, Pakistan v.v... Công ty có thể cung cấp ra thị trường các loại gạch ốp lát với mẫu mã phong phú, kích thước đa dạng đạt chất lượng như: Gạch Granit mài và không mài bóng, gạch ceramic ốp tường và lát nền. Bằng hệ thống máy móc thiết bị được nhập từ các hãng nổi tiếng trên thế giới như SITI, B&T, Nasetti, System... các phân xưởng của Công ty

có tổng cộng 5 dây chuyền sản xuất có công suất thiết kế với sản lượng 5,5tr m²/năm;

- ✓ Công ty đã được Chính phủ phong tặng Huân chương Lao động các hạng Nhất, Hai, Ba; đạt Huy chương vàng chất lượng Châu Âu tại Tây Ban Nha 1996; được Báo Sài Gòn Tiếp Thị bình chọn Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong 17 năm liền kể từ năm 1997.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất và kinh doanh gạch ceramic, granite
- Địa bàn kinh doanh: trong nước và một số quốc gia trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: từ ngày 02/01/2004 mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban kiểm soát và Hội đồng Quản Trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, 01 trợ lý Tổng giám đốc và các trưởng phòng ban bộ phận chức năng.
- Các công ty có liên quan: Tổng công ty VLXD Số 1 (nắm 43% vốn cổ phần của Công ty Thanh Thanh), Công ty CP Bao Bì & KS Số 1 (Cty Thanh Thanh nắm giữ 24% vốn điều lệ), Công ty CP VLXD Cosevco (Công ty Thanh Thanh nắm giữ 6% vốn điều lệ).

5. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu:

Đảm bảo sản lượng và chất lượng sản phẩm ở mức độ hợp lý để duy trì thị trường truyền thống, giữ vững thị phần, phát huy tối đa nguồn lực hiện có nhằm tạo đà phát triển cho giai đoạn sau.

b. Chiến lược trung – dài hạn:

- Củng cố và phát triển thị trường tiêu thụ: Trong những năm tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc tiếp thị sản phẩm tới người tiêu dùng, mở rộng hệ thống phân phối, củng cố thị phần trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tăng cường hoạt động marketing: Từ năm 2011, Công ty đã chú trọng phát triển đội ngũ nhân viên Marketing chuyên nghiệp nhằm nâng cao vị thế hương hiệu và tăng cường khả năng nắm bắt nhu cầu thị trường, đầu tư nghiên cứu

phát triển các mẫu mã mới, đa dạng hoá sản phẩm, tạo sự gắn chặt chẽ giữa việc thiết kế mẫu mã với nhu cầu thị trường.

- Đầu tư nâng cấp thiết bị và nghiên cứu kỹ thuật: Tăng cường đầu tư đổi mới, nâng cấp thiết bị hiện đã cũ để nâng cao chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng vào đầu tư chiều sâu để sản xuất ra những sản phẩm có giá trị cao. Mặt khác Công ty cũng đầu tư nghiên cứu về kỹ thuật nhằm đưa ra các giải pháp giảm chi phí như: tìm kiếm nguyên liệu thay thế, chuyển đổi việc sử dụng nhiên liệu đốt bằng than xich thay thế cho các nhiên liệu khác trong các thiết bị sấy phun v.v...
- Phát triển nguồn nhân lực: Thanh Thanh luôn xem yếu tố con người là tài sản quý giá nhất mang lại thành công cho Công ty, phát triển nguồn nhân lực là một trong mục tiêu được ưu tiên hàng đầu. Dù vậy, hiện nay Công ty vẫn còn thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, do đó trong những năm tới Công ty sẽ phải tăng cường công tác đào tạo nghiệp vụ cho người lao động trong Công ty, cung cấp điều kiện làm việc tốt và chế độ khen thưởng xứng đáng để nhân viên gắn bó và phát huy tối đa năng lực của mình.

c. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng công ty:

Công ty tích cực áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải rắn; tăng cường các hoạt động xã hội do địa phương phát động; và hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, tuân thủ luật pháp và có đời sống văn hoá phong phú.

6. Các rủi ro

Hiện nay, rủi ro kinh doanh của công ty tập trung chủ yếu vào các yếu tố: nền kinh tế phát triển chậm nên nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước về VLXD vẫn ở mức thấp; cùng với sự xuất hiện của nhiều loại vật liệu thay thế là những nguyên nhân chính có thể làm sụt giảm sản lượng tiêu thụ của công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

- ✓ Năm 2015, nền kinh tế Việt Nam phục hồi rõ nét và đạt tốc độ tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Thị trường bất động sản phát triển trở lại kéo theo sự phát triển của nhiều thị trường khác, đặc biệt là thị trường vật liệu xây dựng.
- ✓ Sự hồi phục của nền kinh tế cũng được thể hiện rõ nét qua hoạt động phát triển doanh nghiệp trong đó có Công ty cổ phần gạch men Thanh Thanh. Trước tình hình thuận lợi trong năm 2015, phát huy những kết quả đạt được trong năm 2014 Hội đồng quản trị tiếp tục có chiến lược đúng hướng, công tác quản trị tốt, sức mạnh nội lực lớn, tâm thế vững, có những quyết sách, những biện pháp phù hợp, linh hoạt và kịp thời giúp Công ty chủ động đối phó với những tình huống khó khăn, những biến động của thị trường, từng bước ổn định và phát huy hiệu quả.
- ✓ Để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh ngoài những chủ trương về lựa chọn phương thức, mặt hàng kinh doanh, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành Công ty thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí, không ngừng cải tiến kỹ thuật, quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư chuyển đổi nguyên nhiên vật liệu, đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, mặt khác quan tâm đến chính sách tiền lương và thực hiện tốt các chính sách liên quan đến quyền lợi người lao động.
- ✓ Đến cuối năm, tình hình tài chính Công ty khá ổn định, chủ động được việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, khoản chi hoạt động, nguồn thu tốt. Lợi nhuận đạt: **25.716.905.981 đồng**.



- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 2015 (tr.đ)	Thực hiện 2015 (tr.đ)	TH 2015 / KH 2015 (%)
I. Chỉ tiêu tài chính			
1. Doanh thu	346,250	388,330	112.15
2. Giá vốn hàng bán	305,016	332,778	109.10
3. Lợi nhuận gộp	41,234	55,552	134.72
4. Doanh thu HĐTC		2,111	
5. Chi phí HĐTC		458	
6. Chi phí bán hàng	16,858	15,641	92.78
7. Chi phí Quản lý	13,393	16,058	119.90
8. Lợi nhuận từ SXKD	10,983	25,506	232.23
9. Lợi nhuận khác		211	
10. Lợi nhuận trước thuế	10,983	25,717	234.15
II Chỉ tiêu sản phẩm			
1. Sản phẩm sản xuất	4,800,000	5,373,026	111.94
- Gạch lát nền	1,300,000	1,074,344	82.64
- Gạch ốp tường	2,600,000	3,225,374	124.05
- Gạch Granite	900,000	1,073,308	119.26
2. Sản phẩm tiêu thụ	4,900,000	5,478,503	111.81
- Gạch lát nền	1,350,000	1,134,856	84.06
- Gạch ốp tường	2,600,000	3,308,168	127.24
- Gạch Granite	950,000	1,035,479	109.00

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

(1) Ông Trần Hưng Lương - Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Trần Hưng Lương Ngày sinh: 01/8/1962

Nơi sinh: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hương Văn, Hương Trà, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: Đường 1B, Bình Trị Đông B, Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 061.3834816

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: từ 1984 – 1988: NV phòng Kỹ thuật XN Cơ khí sửa chữa máy thiết bị -TCT Xây dựng 1; từ 1988 – 2004: NV phòng Kỹ thuật, Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ điện, Phó Giám đốc Công ty gạch bông và đá ốp lát số 1 (VITALY); từ 2004 – đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP gạch men Thanh Thanh .

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 14.350 cp

(2) Ông Lê Xuân Thái - Chức vụ : Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Lê Xuân Thái Ngày sinh: 29/11/1970

Nơi sinh: Phú Xuyên, Hà Nội, (Hà Tây cũ)

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Cựu, TP.Huế, Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 16HV, KP1, Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại liên lạc ở cơ quan: 061.3836041

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat

Quá trình công tác: từ 1994 – 2002: NV phòng Kỹ thuật Công ty gạch men Thanh Thanh; từ 2002 – 2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP gạch men Thanh Thanh; từ 2010 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP gạch men Thanh Thanh.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 3.791 cp

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không có.
- **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.**
 - ✓ Số lượng lao động tại ngày 31/12/2015: 453 lao động
 - ✓ Thu nhập bình quân người lao động: Trên 7 triệu đồng / người/ tháng
 - ✓ Chính sách: Công ty trả lương cho người lao động dựa vào công sức đóng góp của người lao động, bảo đảm thu nhập ổn định để người lao động yên tâm công tác; các chính sách về nghỉ phép, lễ được thanh toán đầy đủ theo chính sách; các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được thực hiện đầy đủ theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Trong năm 2015 công ty đã đầu tư chiều sâu mua mới máy in Kỹ thuật số và máy mài cạnh ướn sử dụng cho phân xưởng Granite trị giá lần lượt là 229.000 EURO và 58.880 USD tương đương 5.706.856.330 và 1.325.800.960 đồng.

4. Tình hình tài chính
a) Tình hình tài chính:
Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	156,044,138	171,675,048	110.02
Doanh thu thuần	377,636,977	388,330,321	102.83
Lợi nhuận từ hoạt động KD	15,601,464	25,505,647	163.48
Lợi nhuận khác	406,029	211,259	52.03
Lợi nhuận trước thuế	16,007,493	25,716,906	160.66
Lợi nhuận sau thuế	13,494,535	21,730,957	161.04
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	8		

b) các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.92	2.05	
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn		-	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.78	1.24	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>		-	
Nợ ngắn hạn		-	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		-	
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0.46	0.43	



+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0.87	0.75	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			-
+ Vòng quay hàng tồn kho	4.28	5.85	
Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân			-
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	2.42	2.26	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0.04	0.06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0.16	0.22	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.09	0.13	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD / D. thu thuần	0.04	0.07	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 5.992.348 cp

Cổ phần đang lưu hành: 5.940.528 cp

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.879.877 cp

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 60.651 cp

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại hình cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Trong nước	5.137.111	85,73
1	Cá nhân	2.417.523	40,34
2	Tổ chức	2.719.588	45,38
II	Nước ngoài	855.237	14,27
1	Cá nhân	420.087	7,01
2	Tổ chức	435.150	7,26
	Tổng cộng	5.992.348	100

Thông tin chi tiết về các cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	(%)
1	Tổng Công ty VLXD số 1- TNHH MTV	Tầng 15 Toà nhà Sailing Tower, Q.1, TP.HCM	2.563.500	42,78
2	AFC VF LIMITED	c/o Ogier Fiduciary Services (Cayman) Ltd., 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman	432.100	7,21
3	Đặng Minh Toàn	546 Đường số 7, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân	295.100	4,92
4	Huỳnh Thị Kim Chung	P118 Lầu 1 CC675 Nguyễn Kiệm, TP.HCM	295.000	4,92
5	Thái Đăng Khoa	546 Đường số 7, P. Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM	295.000	4,92
6	Ngô Thị Anh Thư	242 Huỳnh Văn Bánh, F11, Q.Phú Nhuận	287.400	4,80
	Tổng cộng		4.168.100	69,56

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động sản - xuất kinh doanh

a) Về tình hình sản xuất năm 2015:

- Tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm giá thành cũng như nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm.
- Loại bỏ các sản phẩm lỗi thời, tạo các sản phẩm ceramic mới gồm: gạch ốp tường 30x60, 50x100 và lát nền 50 x50; 60x60; granit 50x50; 60x60. Đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng kích thước mẫu mã đáp ứng nhu cầu thị trường;
- tăng cường quản lý, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, giảm lượng tồn kho luân chuyển
- Sản lượng sản xuất thực hiện năm 2015: 5.373.026 m² gạch, tăng 1,47% so với sản lượng đã thực hiện của năm 2014.

b) Về tình hình kinh doanh năm 2015:

- Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung, Công ty cố gắng tiết kiệm chi phí, thúc đẩy hoạt động tiêu thụ, đạt mức tiêu thụ 5.478.503 m² gạch, tăng 11,81% so với năm 2014: Doanh thu đạt 388.33 triệu đồng, tăng 12,15% so với năm 2014.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đvt: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015 so với năm 2014	
			Tăng, giảm	Tỷ lệ %
Tài sản cố định	22,594,333	19,123,077	3,471,256	118.15
1. Tài sản cố định hữu hình	22,569,109	19,064,221	3,504,888	118.38
- Nguyên giá	252,440,558	246,477,496	5,963,062	102.42
- Giá trị hao mòn lũy kế	-229,871,449	-227,413,275	-2,458,174	101.08
2. Tài sản cố định vô hình	25,224	58,856	-33,632	42.86
- Nguyên giá	100,896	100,896	0	100.00
- Giá trị hao mòn lũy kế	-75,672	-42,040	-33,632	180.00

Tài sản cố định năm 2015 so với năm 2014 tăng 3.471.256 triệu đồng, tỷ lệ tăng 18% là do trong năm 2015 Cty đầu tư chiều sâu: mua thêm máy in kỹ thuật số và máy mài cạnh ướn kỹ thuật số nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Chi phí khấu hao máy móc, thiết bị năm 2015 không đáng kể: 2.458.174 ngàn đồng là điểm thuận lợi nhưng đồng thời cũng là điểm bất lợi do máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư đã lâu, nay đã lạc hậu, phát sinh chi phí sửa chữa lớn.

b. Tình hình nợ phải trả

Năm 2015 là một năm thuận lợi cả về sản xuất lẫn kinh doanh nên tình hình tài chính của Công ty rất tốt.

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	1.92	2.05	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0.78	1.24	
Nợ ngắn hạn			

Các chỉ số về khả năng thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh năm 2015 đạt lần lượt 2,05 % và 1,24% , tăng hơn so với năm 2014 chứng tỏ Công ty có đầy đủ khả năng để thanh toán nợ đến hạn.

Công ty không vay nợ ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, khôi phục sản xuất và đảm bảo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản lý để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ, đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tích cực thiết kế mẫu mã mới, sản phẩm mới để đưa ra thị trường nhất là gạch ceramic lát nền 50x50, 60x60 và Gạch ốp tường 300x600, 50x100, Gạch bán sứ.
- Hoàn thiện thiết bị và công nghệ để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cao cấp, đa dạng cung cấp cho thị trường bậc cao. Tập trung cải tạo công tác tiếp thị, phân đầu mở rộng thị trường để hoàn thành kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016;
- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng giảm giá thành sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh;
- Nghiên cứu tạo sản phẩm mới, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao giá bán tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Tiếp tục tìm kiếm dự án đầu tư mới theo hướng mua lại, sáp nhập doanh nghiệp cũ (M&A), kết hợp di dời nhà máy ra khỏi Khu công nghiệp Biên hòa 1 theo chủ trương của Tỉnh Đồng Nai.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong điều kiện vừa thuận lợi, vừa khó khăn của nền kinh tế nói chung và công ty nói riêng, đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như trên, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đạt 25,72 tỷ đồng (233 % kế hoạch) là nhờ nỗ lực rất lớn từ lãnh đạo đến toàn thể CB-CNV công ty đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm giá thành cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm để nâng cao giá bán như:

- Tăng cường quản lý, tiết kiệm nguyên liệu, điện nước, có nhiều giải pháp nhằm giảm lượng tồn kho khó luân chuyển.
- Tăng cường công tác thị trường, chăm sóc và sàng lọc các đại lý, đồng thời tìm thêm đại lý mới có khả năng tiêu thụ tốt hơn.
- Từ việc khai thác tốt các dự án chuyển đổi nhiên liệu và phát huy tối đa, toàn diện đã giảm chi phí, hạ giá thành, làm tăng lợi thế cạnh tranh, tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nên kết quả sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.
- Khẳng định thương hiệu với thị trường bằng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm, xây dựng các chế độ, chính sách bán hàng; ưu đãi, hỗ trợ công tác tiêu thụ đặc biệt tới các đại lý.
- Đầu tư chiều sâu với các thiết bị in kỹ thuật số, máy mài cạnh ... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tuy vậy, bên cạnh những thuận lợi chủ quan, Hội đồng quản trị nhận định năm 2015 Công ty có những khó khăn khách quan như sau:

- Thị trường gạch ốp tường, lát nền trong nước hiện vẫn đang chịu sự cạnh tranh gay gắt của gạch Trung Quốc về giá và mẫu mã, hiện tượng gian lận thương mại chưa được giải quyết triệt để, trong khi DN nội địa lại phải áp thuế nhập khẩu một số nguyên liệu đầu vào với thuế suất cao, do đó giá gạch nhập khẩu có giá bán thấp hơn nhiều so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước.,,
- Thiết bị máy móc của Công ty được đầu tư đã lâu, nay đã lạc hậu, hư hỏng nhiều, chi phí bảo trì sửa chữa lớn, làm chi chi phí tăng.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Sự phục hồi của thị trường bất động sản giúp triển vọng ngành vật liệu xây dựng nói chung và gạch ốp lát nói riêng đang tương đối thuận lợi.

- Để nâng cao năng lực cạnh tranh Công ty tuân thủ các quy định, chủ động trước thời cơ và thách thức, đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu, cạnh tranh lành mạnh bằng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí và giá thành sản phẩm.
- Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh, mục tiêu chính của các năm 2016 -2020 vẫn là sản xuất với công suất hợp lý để duy trì thị trường, giữ vững thị phần và tạo việc làm ổn định cho người lao động đồng thời phát huy nội lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho các năm tiếp theo

a. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của năm 2016

- Doanh thu	:	337,24 tỷ đồng
- Sản lượng sản xuất	:	4.800.000 m ²
- Sản lượng tiêu thụ	:	4.900.000 m ²
- Lợi nhuận trước thuế	:	15 tỷ đồng
- Cổ tức	:	15%

b. Những giải pháp trọng tâm trong năm 2016

- Để đạt được kế hoạch 2016, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo và giám sát chặt chẽ những giải pháp như sau:
- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, khôi phục sản xuất và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động .
 - Tiếp tục việc nâng cao công tác quản lý để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ, đạt hiệu quả cao .
 - Hoàn thiện thiết bị và công nghệ vừa được đầu tư để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cao cấp, đa dạng cung cấp cho thị trường bậc cao. Tập trung cải tiến công tác tiếp thị, phấn đấu mở rộng thị trường để hoàn thành kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016.
 - Không ngừng tiếp thu cải tiến và sáng tạo ra những sản phẩm mới với những tính năng ưu việt nhằm đáp ứng được mọi thị hiếu của khách hàng đồng thời khẳng định uy tín vị thế trên thị trường.
 - Để tăng độ “phủ sóng” khẳng định uy tín, chất lượng của thương hiệu Thanh Thanh, Công ty sẽ đẩy mạnh tiếp cận các công trình lớn thông qua các Công ty tư vấn, các sở Xây dựng.

- Đối với thị trường xuất khẩu, mục tiêu đặt ra là giữ vững thị trường Trung đông, phát triển thị trường Thái Lan, Campuchia và tìm cách tiếp cận các thị trường khác.

c. Phương hướng các năm tiếp theo (2016 – 2020)

- Đối với thị trường xuất khẩu, mục tiêu đặt ra là giữ vững thị trường Trung đông, phát triển thị trường Thái Lan, Campuchia và tìm cách tiếp cận các thị trường khác.
- Không ngừng tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, thường xuyên nâng cao năng lực quản lý của Ban điều hành và bộ máy quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư đổi mới.
- Tiếp tục đầu tư chiều sâu, cải tiến máy móc thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm tăng khả năng cạnh tranh.
- Nghiên cứu tạo sản phẩm mới, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, nâng cao giá bán tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Chuẩn bị và chủ động tìm những doanh nghiệp cũ cùng ngành nghề hoặc mua lại, hoặc sáp nhập trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt bằng văn bản khi có phương án khả thi .

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY
1. Hội đồng quản trị
a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Sở hữu cá nhân	Sở hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ VĐL %
1	Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch	-	1.500.000	1.500.000	25,03
2	Trần Hưng Lương	Ủy viên	14.350	700.000	714.350	11,92
3	Hồ Hữu Phước	Ủy viên	1.500	363.500	365.000	6,09
4	Võ Thị Thu Thủy	Ủy viên	11.000	-	11.000	0,18
5	Viễn Đông	Ủy viên	-	-	-	
	Tổng cộng		26.850	2.563.500	2.590.350	43,22

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã họp 4 phiên toàn thể và đã có nhiều quyết định quan trọng, cụ thể như sau:

- Quyết định thông qua tại phiên họp đều được sự nhất trí của các thành viên dự họp, đạt tỷ lệ 100%, nội dung mang tính chất chỉ đạo và định hướng để ban điều hành cùng CB.CNV Công ty thực hiện nghiêm túc. HĐQT luôn chủ động nắm tình hình đầu tư kinh doanh hiện tại và đưa ra định hướng kế tiếp góp phần phát triển, ổn định hoạt động Công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 24/04/2015
- Chọn Công ty kiểm toán DFK Việt Nam. Trụ sở: 426, Cao Thắng, Q.10, TP.Hồ Chí Minh kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.
- Cân đối và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất kinh doanh theo diễn biến của thị trường để giảm hàng tồn kho, khôi phục sản xuất và đảm bảo việc làm cũng như thu nhập cho người lao động.

- Giám sát việc rà soát để tiết giảm tất cả những khoản mục chi phí trong sản xuất và tiêu thụ.

Đầu tư chiều sâu:

Hội đồng quản trị đã phê duyệt đầu tư chiều sâu trong năm 2015 gồm:

- Máy in kỹ thuật số công suất 6.000 m² / ngày: 5,709 tỷ đồng (tròn số).
- Máy mài cạnh ướt gạch Granite 6.000 m² / ngày: 1,326 tỷ đồng (tròn số)

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức danh	Sở hữu cá nhân	Sở hữu tổ chức	Tổng số	Tỷ lệ % VDL
1	Khương Thị Chăm	Trưởng ban	500		500	0,008
2	Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên				
3	Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	5.110		5.110	0,085
	Tổng cộng		5.610		5.610	0,093

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có ba thành viên, mỗi thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể và các thành viên hoạt động độc lập theo phương thức bán chuyên trách. Hàng tháng và quý thường xuyên trao đổi các vấn đề về quản lý và hoạt động SXKD của công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, xem xét các nghị quyết và có ý kiến với HĐQT, Ban điều hành về việc quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đvt: triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao 2015	Tiền lương 2015	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				
1	Trịnh Bửu Tuân	Chủ tịch	60		
2	Trần Hưng Lương	Thành viên	36	573,514	kiêm TGD
3	Hồ Hữu Phước	Thành viên	36	225,356	kiêm TP.TCHC
4	Võ Thị Thu Thủy	Thành viên	36	216,046	kiêm KTT
5	Viễn Đông	Thành viên	36		
II	Ban kiểm soát				
1	Khương Thị Chăm	Trưởng ban	36		
2	Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên	18		
3	Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	18		
III	Ban giám đốc				
1	Lê Xuân Thái	P. TGD		290,765	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Ông Hồ Hữu Phước – Thành viên Hội đồng Quản trị bán 7.560cp

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 175/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN THANH THANH**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh, được lập ngày 22 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm

bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

P.GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Nguyễn Văn Tuyên

HỒ ĐẮC HIẾU

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:

111-2013-42-1

0458-2013-042-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán
a. Bảng cân đối kế toán 2015
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	V.01	143,872,215,376	131,712,560,674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		54,126,101,697	29,707,513,137
1. Tiền	111		8,126,101,697	6,707,513,137
2. Các khoản tương đương tiền	112		46,000,000,000	23,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8,000,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	8,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24,820,995,461	23,654,608,901
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	23,908,385,059	23,586,870,473
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1,533,496,234	619,392,337
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	628,712,354	814,877,100
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(1,249,598,186)	(1,366,531,009)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	56,909,998,218	77,810,094,953
1. Hàng tồn kho	141		64,481,160,538	83,745,437,509
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,571,162,320)	(5,935,342,556)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,120,000	540,343,683
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	15,120,000	15,120,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	525,223,683
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27,802,832,728	24,331,577,129
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		258,500,000	258,500,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	258,500,000	258,500,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22,594,332,728	19,123,077,129
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	22,569,108,736	19,064,221,133
- Nguyên giá	222		252,440,557,606	246,477,496,091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229,871,448,870)	(-227,413,274,958)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	25,223,992	58,855,996
- Nguyên giá	228		100,896,000	100,896,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75,672,008)	(42,040,004)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	4,950,000,000	4,950,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,920,000,000	1,920,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,030,000,000	3,030,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		171,675,048,104	156,044,137,803

NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		73,377,252,091	72,448,876,434
I. Nợ ngắn hạn	310		70,162,252,091	68,693,876,434
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	22,794,777,733	22,582,097,139
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,883,585,730	863,915,272
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	2,691,601,564	510,780,370
4. Phải trả người lao động	314	V.16	17,777,812,488	13,495,708,744
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	12,269,452
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	19,295,811,937	17,079,803,273
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	4,130,000,000	13,616,011,495
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1,588,662,639	533,290,689
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3,215,000,000	3,755,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	3,215,000,000	3,755,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	98,297,796,013	83,595,261,369
I. Vốn chủ sở hữu	410		98,297,796,013	83,595,261,369
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59,923,480,000	59,923,480,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59,923,480,000	59,923,480,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-

2. Thặng dư vốn cổ phần	412		313,744,700	313,744,700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		424,272,909	424,272,909
5. Cổ phiếu quỹ	415		(652,100,000)	(652,100,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11,534,128,738	8,835,221,725
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100,000,000	100,000,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26,654,269,666	14,650,642,035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,923,312,622	1,156,106,967
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21,730,957,044	13,494,535,068
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		171,675,048,104	156,044,137,803

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	389,867,557,999	378,199,313,863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1,537,237,493	562,336,951
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		388,330,320,506	377,636,976,912
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	332,778,194,052	332,827,563,159
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		55,552,126,454	44,809,413,753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	2,110,840,710	1,893,187,614
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	457,861,580	556,672,679
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		298,733,808	467,413,679
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.06	15,641,184,132	16,048,778,737
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	16,058,274,203	14,495,685,857
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		25,505,647,249	15,601,464,094
12. Thu nhập khác	31	VI.08	328,758,502	614,393,831
13. Chi phí khác	32	VI.09	117,499,770	208,364,465
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		211,258,732	406,029,366
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25,716,905,981	16,007,493,460
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	3,985,948,937	2,512,958,392
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		21,730,957,044	13,494,535,068
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.12	3,321	1,935
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2015

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25,716,905,981	16,007,493,460
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2,845,600,731	5,382,023,147
- Các khoản dự phòng	03		1,518,886,941	(336,155,960)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		26,405,510	(47,974,887)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,672,778,789)	(1,829,174,308)
- Chi phí lãi vay	06		298,733,808	467,413,679
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28,733,754,182	19,643,625,131
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(469,181,731)	(592,191,641)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19,264,276,971	(7,887,102,869)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7,777,574,760	1,619,140,926
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			(15,120,000)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(311,003,260)	(455,144,227)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,336,871,061)	(2,475,113,110)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			1,167,200,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(276,000,000)	(1,300,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51,382,549,861	9,705,294,210
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6,316,856,330)	(2,677,568,691)

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90,909,091	166,045,454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,526,412,754	1,663,128,854
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12,699,534,485)	(848,394,383)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		55,368,179,647	101,006,218,349
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(64,854,191,142)	(94,056,600,154)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,752,422,400)	(4,158,369,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14,238,433,895)	2,791,248,595
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		24,444,581,481	11,648,148,422
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29,707,513,137	18,011,389,828
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25,992,921)	47,974,887
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		54,126,101,697	29,707,513,137

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Hưng Lương